TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH B
Số: 62/2021/QĐST- HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

B, ngày 08 tháng 04 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 104/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 03 năm 2021 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Hương Ng**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số 120/8, khóm 1, phường 7, thành phố B, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Anh **Phạm Minh Ph**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số 147A/4, khóm 2, phường 5, thành phố B, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 03 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 03 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Hương Ng và anh Phạm Minh Ph.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Hương Ng và anh Phạm Minh Ph thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thành S, sinh ngày 29/8/2015 cho chị Trần Thị Hương Ng trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục (hiện nay cháu S đang sống cùng chị Ng); chị Trần Thị Hương Ng không yêu cầu anh Phạm Minh Ph cấp dưỡng nuôi con. Anh Phạm Minh Ph có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

2.3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Trần Thị Hương Ng tự nguyện chịu án phí ly hôn là 150.000 đồng. Chị Ng đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0007444 ngày 23-12-2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu; đối trừ án phí phải nộp, chị Ng được hoàn lại 150.000 đồng.

2.5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tp. B;
- UBND phường (xã) nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Bích Ngọc